

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đông Nam Á

Báo cáo Tài chính cho năm tài chính
kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011
kèm theo Báo cáo Kiểm toán Độc lập



Công ty Cổ phần Chứng khoán Đông Nam Á

Báo cáo Tài chính cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mục lục

Nội dung	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	1
Báo cáo Kiểm toán Độc lập	3
Bảng Cân đối Kế toán	5
Báo cáo Kết quả Hoạt động Kinh doanh	8
Báo cáo Lưu chuyển Tiền tệ	9
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	10
Thuyết minh Báo cáo Tài chính	11

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đông Nam Á

Báo cáo Tài chính cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Đông Nam Á ("Công ty") trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011.

1. Thông tin về Công ty

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đông Nam Á là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103015002 ngày 12 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp và Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 34/UBCK-GPHĐKD ngày 22 tháng 12 năm 2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Trong quá trình hoạt động, Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán đã được sửa đổi như sau:

<u>Giấy phép hoạt động ký kinh doanh chứng khoán điều chỉnh</u>	<u>Nội dung điều chỉnh</u>
Số 731/UBCK-GP ngày 31 tháng 12 năm 2007	Tăng vốn điều lệ.
Số 117/UBCK-GP ngày 6 tháng 6 năm 2008	Đổi tên Công ty.
Số 202/UBCK-GP ngày 11 tháng 3 năm 2009	Đổi tên Công ty, giảm lĩnh vực kinh doanh.
Số 268/UBCK-GP ngày 7 tháng 10 năm 2009	Thay đổi địa chỉ Công ty.
Số 28/GPĐC-UBCK ngày 22 tháng 4 năm 2011	Thay đổi tên tiếng Anh và tên viết tắt của Công ty.
Số 41/GPĐC-UBCK ngày 8 tháng 7 năm 2011	Tăng vốn điều lệ.
Số 43/GPĐC-UBCK ngày 12 tháng 7 năm 2011	Bổ sung ngành nghề kinh doanh
Số 61/GPĐC-UBCK ngày 17 tháng 11 năm 2011	Thay đổi địa chỉ Công ty.

Vốn điều lệ của Công ty ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 335 tỷ đồng.

Công ty có các đơn vị trực thuộc bao gồm:

- Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh: Địa chỉ tại Tầng 3, Tòa nhà AB Tower, 76 Lê Lai, phường Bến Thành, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Hoạt động kinh doanh chính của chi nhánh là môi giới chứng khoán và lưu ký chứng khoán.
- Phòng giao dịch Lý Thường Kiệt: Địa chỉ tại số 18 Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội. Hoạt động kinh doanh chính của phòng giao dịch là môi giới chứng khoán và lưu ký chứng khoán.

1.2. Địa chỉ Công ty

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Tầng 2, Tòa nhà 14 Láng Hạ, quận Ba Đình, Hà Nội, Việt Nam.

1.3. Lĩnh vực và hoạt động kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực:

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán;
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán.

Trong năm 2011, hoạt động chủ yếu của Công ty là môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán và lưu ký chứng khoán.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đông Nam Á

Báo cáo Tài chính cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011
Báo cáo của Ban Giám đốc (tiếp theo)

1.4. Số lượng nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Công ty có 68 nhân viên (2010: 71 nhân viên).

2. Đơn vị kiểm toán

Đơn vị kiểm toán, Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội, đã kiểm toán các Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, sẵn sàng chấp thuận được tiếp tục chỉ định là đơn vị kiểm toán của Công ty.

3. Thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Thành viên của Hội đồng quản trị Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Lê Hữu Báu	Chủ tịch
Bà Khúc Thị Quỳnh Lâm	Phó Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Nga	Phó Chủ tịch
Ông Lê Văn Chí	Ủy viên
Ông Đoàn Văn Tiến	Ủy viên

Thành viên của Ban Giám đốc Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Bà Lê Thị Thanh Bình	Q. Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Trung	Phó Tổng Giám đốc

4. Sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán

Ban Giám đốc Công ty xác định không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ khi kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính.

5. Xác nhận của Ban Giám đốc

Tôi, Lê Thị Thanh Bình, Q. Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Đông Nam Á, đại diện cho Ban Giám đốc xác nhận rằng, theo ý kiến của Ban Giám đốc, bảng cân đối kế toán kèm theo của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, và các báo cáo liên quan về kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày. Các báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



LÊ THỊ THANH BÌNH
Q. Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 20 tháng 3 năm 2012

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Số: 12-01-004

**Kính gửi: Hội Đồng Quản Trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán Đông Nam Á**

Phạm vi kiểm toán

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Đông Nam Á (“Công ty”) tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, và các báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, như được trình bày từ trang 5 đến trang 28. Các báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính dựa vào quá trình kiểm toán của chúng tôi. Báo cáo tài chính của Công ty cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, được trình bày cho mục đích so sánh, đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên khác như được trình bày trong báo cáo kiểm toán đề ngày 28 tháng 3 năm 2011.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và các Chuẩn mực Kiểm toán Quốc tế được chấp nhận tại Việt Nam. Các chuẩn mực này đòi hỏi chúng tôi phải hoạch định và tiến hành kiểm toán nhằm có được cơ sở hợp lý để kết luận rằng các báo cáo tài chính không chứa đựng các sai phạm và sai sót trọng yếu. Quá trình kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng hỗ trợ cho các số liệu và giải trình trong các báo cáo tài chính. Quá trình kiểm toán cũng bao gồm việc xem xét các nguyên tắc kế toán được sử dụng và các ước tính quan trọng do bộ phận quản lý thực hiện, cũng như cách trình bày báo cáo tài chính nói chung. Chúng tôi tin rằng quá trình kiểm toán đã cung cấp các cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Những vấn đề ảnh hưởng đến ý kiến kiểm toán

Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2011, Công ty chưa thực hiện đánh giá và trích lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán đối với giá trị cổ phiếu chưa niêm yết do Công ty không có cơ sở xác định giá trị trường của các loại cổ phiếu này. Bất cứ điều chỉnh nào khi giá thị trường của các cổ phiếu này được xác định một cách tin cậy cũng có thể làm ảnh hưởng đến các khoản mục có liên quan được trình bày trên báo cáo tài chính của Công ty.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng đến báo cáo tài chính của vấn đề thảo luận trên đây, các báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên mọi khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Đông Nam Á tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, và kết quả kinh doanh cũng như lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực và Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Ý kiến kiểm toán (tiếp theo)

Như được trình bày tại Thuyết minh 2.2, các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty theo các nguyên lý và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các quốc gia và thể chế khác ngoài Việt Nam.



PHẠM THE HUNG

Giám đốc

Chứng chỉ Kiểm toán viên

Số: 0495/KTV

HÀ NỘI

Ngày 20 tháng 3 năm 2012

NGUYỄN TIẾN DŨNG

Kiểm toán viên

Chứng chỉ Kiểm toán viên

Số: 0800/KTV

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đông Nam Á

Bảng Cân đối Kế toán
tại ngày 31 tháng 12 năm 2011
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Tài sản	Mã số	Thuyết minh	31.12.2011	31.12.2010
A. Tài sản ngắn hạn	100		1.057.486.980.558	2.184.339.282.298
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		185.357.863.969	649.205.286.856
1. Tiền	111	3	185.357.863.969	649.205.286.856
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	30.080.531.493	99.748.785.604
1. Đầu tư ngắn hạn	121		69.209.076.033	155.393.708.748
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(39.128.544.540)	(55.644.923.144)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		840.214.992.830	1.391.190.123.755
2. Trả trước cho người bán	132		473.823.482	110.640.000
4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135	6	842.782.421.237	1.382.382.624.945
5. Các khoản phải thu khác	138	6	5.756.210.586	8.696.858.810
6. Dự phòng phải thu khó đòi	139	6	(8.797.462.475)	-
IV. Hàng tồn kho	140	7	496.677.304	117.237.695
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.336.914.962	44.077.848.388
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	8	1.189.575.962	1.291.810.867
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	9	147.339.000	42.786.037.521
B. Tài sản dài hạn	200		140.824.345.835	147.791.773.847
II. Tài sản cố định	220		13.038.061.395	5.228.591.672
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	4.095.596.248	4.173.205.592
- Nguyên giá	222		8.060.502.632	7.376.371.290
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.964.906.384)	(3.203.165.698)
3. Tài sản cố định vô hình	227	11	8.942.465.147	1.055.386.080
- Nguyên giá	228		9.626.628.747	1.522.110.600
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(684.163.600)	(466.724.520)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		89.576.498.638	137.930.878.446
3. Đầu tư chứng khoán dài hạn	253	5	89.576.498.638	137.930.878.446
- Chứng khoán sẵn sàng để bán	254		89.576.498.638	137.930.878.446
- Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		38.209.785.802	4.632.303.729
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	31.897.037.718	603.520.287
3. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	263	13	4.267.674.684	2.034.007.777
4. Tài sản dài hạn khác	268		2.045.073.400	1.994.775.665
Tổng cộng tài sản	270		1.198.311.326.393	2.332.131.056.145

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đông Nam Á

Bảng Cân đối Kế toán
tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Nguồn vốn	Mã số	Thuyết minh	31.12.2011	31.12.2010
A. Nợ phải trả	300		920.110.256.512	2.164.615.182.407
I. Nợ ngắn hạn	310		120.092.199.602	1.364.597.125.497
2. Phải trả người bán	312		3.599.074.996	70.029.760
3. Người mua trả tiền trước	313		93.400.000	199.000.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	8.137.841.326	8.368.584.477
5. Phải trả người lao động	315		990.040.448	2.248.666.262
6. Chi phí phải trả	316	15	81.306.007.972	13.586.395.719
8. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	17	18.866.044.522	284.897.089.786
9. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320	16	7.049.413.895	1.055.000.000.000
10. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321		4.165.000	172.648.050
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		46.211.443	54.711.443
II. Nợ dài hạn	330		800.018.056.910	800.018.056.910
4. Vay và nợ dài hạn	334	18	800.000.000.000	800.000.000.000
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		18.056.910	18.056.910
B. Vốn chủ sở hữu	400		278.201.069.881	167.515.873.738
I. Vốn chủ sở hữu	410		278.201.069.881	167.515.873.738
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	19	335.000.000.000	200.000.000.000
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		2.945.994.322	2.945.994.322
10. Lỗ lũy kế	420		(59.744.924.441)	(35.430.120.584)
Tổng cộng nguồn vốn	440		1.198.311.326.393	2.332.131.056.145

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đông Nam Á

Bảng Cân đối Kế toán
tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Các chỉ tiêu ngoài Bảng Cân đối Kế toán:

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31.12.2011	31.12.2010
6. Chứng khoán lưu ký	006		1.895.004.990.000	1.489.244.510.000
Trong đó:				
5.1. Chứng khoán giao dịch	007		1.352.877.710.000	905.885.360.000
- Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	008		15.989.530.000	35.381.880.000
- Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	009		1.336.414.490.000	870.067.480.000
- Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	010		473.690.000	436.000.000
5.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	012		29.139.800.000	194.749.040.000
- Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	014		29.139.800.000	194.749.040.000
5.3. Chứng khoán cầm cố	017		500.000.000.000	350.000.000.000
- Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	019		500.000.000.000	350.000.000.000
5.4. Chứng khoán chờ thanh toán	027		10.928.610.000	36.970.850.000
- Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký	028		500.000.000	-
- Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	029		8.052.900.000	36.970.850.000
- Chứng khoán chờ thanh toán của tổ chức khác	031		2.375.710.000	-
5.5. Chứng khoán chờ giao dịch	037		2.058.870.000	1.639.260.000
- Chứng khoán chờ giao dịch của thành viên lưu ký	038		-	2.660.000
- Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	039		903.720.000	1.636.600.000
- Chứng khoán chờ giao dịch của tổ chức khác	041		1.155.150.000	-
9. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán	083		23.195.470.000	52.515.160.000

Thuyết minh Báo cáo Tài chính kèm theo là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính.

Ngày 20 tháng 3 năm 2012



LÊ THỊ THANH BÌNH
Q. Tổng Giám đốc

NGUYỄN HOÀNG PHƯƠNG
Kế toán trưởng

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đông Nam Á

Báo cáo Kết quả Hoạt động Kinh doanh
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	2011	2010
1. Doanh thu	01	20	303.561.845.129	163.910.165.290
<i>Trong đó:</i>				
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		10.146.892.818	23.743.654.504
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2		8.253.824.371	13.525.843.811
- Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		933.636.362	521.545.455
- Doanh thu lưu ký chứng khoán	01.6		109.272.727	62.181.818
- Doanh thu hoạt động ủy thác đầu giá	01.7		120.750.000	67.782.919
- Doanh thu khác	01.9		283.997.468.851	125.989.156.783
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	10		303.561.845.129	163.910.165.290
4. Chi phí hoạt động kinh doanh	11	21	(298.160.702.947)	(135.858.653.373)
5. Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	20		5.401.142.182	28.051.511.917
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	22	(28.786.238.281)	(15.392.886.333)
7. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		(23.385.096.099)	12.658.625.584
8. Thu nhập khác	31		48.405.454	180.864.716
9. Chi phí khác	32		(978.113.212)	(85.413.915)
10. Lợi nhuận khác	40		(929.707.758)	95.450.801
11. Lợi nhuận trước thuế	50		(24.314.803.857)	12.754.076.385
12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
13. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
14. Lợi nhuận sau thuế	60		(24.314.803.857)	12.754.076.385
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	23	(872)	638

Thuyết minh Báo cáo Tài chính kèm theo là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính.

Ngày 20 tháng 3 năm 2012



LÊ THỊ THANH BÌNH
Q. Tổng Giám đốc

NGUYỄN HOÀNG PHƯƠNG
Kế toán trưởng

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đông Nam Á

Báo cáo Lưu chuyển Tiền tệ (phương pháp gián tiếp)
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Chi tiêu	Mã số	2011	2010
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(24.314.803.857)	12.754.076.385
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	1.723.920.003	1.067.313.298
Các khoản dự phòng	03	(7.718.916.129)	23.231.480.200
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(80.784.199.469)	(16.404.750.409)
Chi phí lãi vay	06	124.706.319.043	95.846.891.643
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	13.612.319.591	116.495.011.117
Thay đổi các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09	542.424.069.983	(1.293.414.124.314)
Thay đổi hàng tồn kho, chứng khoán thương mại	10	134.159.572.914	(111.402.411.869)
Thay đổi các khoản phải trả	11	(1.278.282.061.359)	1.188.775.315.784
Thay đổi chi phí trả trước	12	11.201.014.462	(42.735.254.537)
Tiền lãi vay đã trả	13	(90.870.683.579)	(82.882.527.107)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(50.000.000)	(500.000.000)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(2.292.464.642)	(1.289.810.896)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(670.098.232.630)	(226.953.801.822)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(10.623.054.333)	(1.631.545.539)
2. Thu từ thanh lý nhượng bán tài sản cố định	22	38.227.272	55.100.000
7. Thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	81.835.636.804	16.435.064.324
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	71.250.809.743	14.858.618.785
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Thu từ vốn góp, phát hành cổ phiếu	31	135.000.000.000	-
3. Vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	900.000.000.000	800.000.000.000
4. Chi trả nợ gốc vay	34	(900.000.000.000)	(120.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	135.000.000.000	680.000.000.000
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(463.847.422.887)	467.904.816.963
Tiền tồn đầu năm	60	649.205.286.856	181.300.469.893
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái	61	-	-
Tiền tồn cuối năm	70	185.357.863.969	649.205.286.856

Thuyết minh Báo cáo Tài chính kèm theo là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính.

Ngày 20 tháng 3 năm 2012



LÊ THỊ THANH BÌNH
Q. Tổng Giám đốc

NGUYỄN HOÀNG PHƯƠNG
Kế toán trưởng

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đông Nam Á

Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm				Số dư cuối năm	
		1.1.2010	1.1.2011	Năm trước		Năm nay		31.12.2010	31.12.2011
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	19	200.000.000.000	200.000.000.000	-	-	135.000.000.000	-	200.000.000.000	335.000.000.000
2. Quỹ dự phòng tài chính		2.945.994.322	2.945.994.322	-	-	-	-	2.945.994.322	2.945.994.322
3. Lợi nhuận chưa phân phối		(48.184.196.969)	(35.430.120.584)	12.754.076.385	-	-	(24.314.803.857)	(35.430.120.584)	(59.744.924.441)
Tổng cộng		154.761.797.353	167.515.873.738	12.754.076.385	-	135.000.000.000	(24.314.803.857)	167.515.873.738	278.201.069.881

Thuyết minh Báo cáo Tài chính kèm theo là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính.

Ngày 20 tháng 3 năm 2012



LÊ THỊ THANH BÌNH
Q. Tổng Giám đốc

NGUYỄN HOÀNG PHƯƠNG
Kế toán trưởng

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đông Nam Á

Thuyết minh Báo cáo Tài chính
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

1. Tổ chức và hoạt động chính

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đông Nam Á là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103015002 ngày 12 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp và Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 34/UBCK-GPHĐKD ngày 22 tháng 12 năm 2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Trong quá trình hoạt động, Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán đã được sửa đổi như sau:

Giấy phép hoạt động ký kinh doanh chứng khoán điều chỉnh

Số 731/UBCK-GP ngày 31 tháng 12 năm 2007

Số 117/UBCK-GP ngày 6 tháng 6 năm 2008

Số 202/UBCK-GP ngày 11 tháng 3 năm 2009

Số 268/UBCK-GP ngày 7 tháng 10 năm 2009

Số 28/GPĐC-UBCK ngày 22 tháng 4 năm 2011

Số 41/GPĐC-UBCK ngày 8 tháng 7 năm 2011

Số 43/GPĐC-UBCK ngày 12 tháng 7 năm 2011

Số 61/GPĐC-UBCK ngày 17 tháng 11 năm 2011

Nội dung điều chỉnh

Tăng vốn điều lệ.

Đổi tên Công ty.

Đổi tên Công ty, giảm lĩnh vực kinh doanh.

Thay đổi địa chỉ Công ty.

Thay đổi tên tiếng Anh và tên viết tắt của Công ty.

Tăng vốn điều lệ.

Bổ sung ngành nghề kinh doanh

Thay đổi địa chỉ Công ty.

Vốn điều lệ của Công ty ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 335 tỷ đồng.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Tầng 2, Tòa nhà 14 Láng Hạ, quận Ba Đình, Hà Nội, Việt Nam.

Công ty có các đơn vị trực thuộc bao gồm:

- Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh: Địa chỉ tại Tầng 3, Tòa nhà AB Tower, 76 Lê Lai, phường Bến Thành, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Hoạt động kinh doanh chính của chi nhánh là môi giới chứng khoán và lưu ký chứng khoán.
- Phòng giao dịch Lý Thường Kiệt: Địa chỉ tại số 18 Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội. Hoạt động kinh doanh chính của phòng giao dịch là môi giới chứng khoán và lưu ký chứng khoán.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực:

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán;
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán.

Trong năm 2011, hoạt động chủ yếu của Công ty là môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán và lưu ký chứng khoán.

2. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đông Nam Á

Thuyết minh Báo cáo Tài chính
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

2.2. Cơ sở lập báo cáo

Báo cáo tài chính được lập bằng đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung tại Việt Nam. Các nguyên tắc này bao gồm các quy định tại các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định về kế toán hiện hành tại Việt Nam. Do đó, bảng cân đối kế toán và các báo cáo liên quan về kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ và việc sử dụng chúng không được lập cho những người không được thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và phương pháp kế toán của Việt Nam, và hơn nữa, không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ, phù hợp với các nguyên tắc và phương pháp kế toán được thừa nhận chung ở các nước và thể chế khác ngoài Việt Nam.

2.3. Áp dụng Luật kế toán và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam

a) Luật Kế toán

Trong năm, Công ty đã tuân thủ Luật Kế toán ban hành ngày 17 tháng 6 năm 2003 và Nghị định kèm theo số 129/2004/NĐ-CP ban hành ngày 31 tháng 5 năm 2004 của Chính Phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Kế toán áp dụng trong hoạt động kinh doanh.

b) Chuẩn mực Kế toán Việt Nam

Trong năm, Công ty đã áp dụng Chế độ Kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006, Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 về việc hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008, và trong phạm vi liên quan, các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện.

c) Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

2.4. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

a) Nguyên tắc xác định các khoản tiền mặt, tiền gửi ngân hàng

Tiền mặt là khoản tồn quỹ tại Công ty tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền gửi ngân hàng là các khoản gửi tại các ngân hàng được phép hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được đối chiếu số dư với các ngân hàng này tại ngày kết thúc năm tài chính.

b) Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại ngày kết thúc năm tài chính.

c) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND phát sinh trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tương ứng tại ngày giao dịch. Các khoản mục tài sản và công nợ tiền tệ có gốc bằng các đơn vị tiền tệ khác với VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng công bố tại thời điểm cuối năm tài chính.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện và đã thực hiện đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đông Nam Á

Thuyết minh Báo cáo Tài chính

cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

2.5. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được phản ánh theo giá trị ước tính có thể thu hồi sau khi trừ đi dự phòng các khoản phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa vào đánh giá của Ban Giám đốc về các khoản nợ không có khả năng thu hồi.

Các khoản phải thu tại thời điểm báo cáo:

- Nếu có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới một năm hoặc một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Nếu có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên một năm hoặc một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

2.6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Khi tài sản được bán hay không được sử dụng nữa, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được loại khỏi tài khoản và lãi lỗ phát sinh từ việc thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua của tài sản, thuế nhập khẩu, các khoản thuế trực thu và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái và vị trí sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã được đưa vào sử dụng, như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu, thường được hạch toán vào hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh chi phí. Trong trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng là các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế tương lai ước tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt quá tiêu chuẩn hoạt động đánh giá ban đầu của tài sản, thì các chi phí này được vốn hóa làm tăng nguyên giá của tài sản cố định hữu hình.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

<u>Tài sản</u>	<u>Số năm khấu hao</u>
Phương tiện vận tải	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	4 - 8
Tài sản cố định khác	8

2.7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo Chuẩn mực kế toán số 04 - "Tài sản cố định vô hình", ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 và Thông tư 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực trên.

Phần mềm máy tính

Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao trong 8 năm.

2.8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh giá trị nhà xưởng và máy móc thiết bị chưa được hoàn thành việc xây dựng và lắp đặt và được thể hiện theo nguyên giá. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang không được trích khấu hao cho tới khi các tài sản đó hoàn thành và được đưa vào sử dụng.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đông Nam Á

Thuyết minh Báo cáo Tài chính

cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

2.9. Các khoản đầu tư

a) Ghi nhận ban đầu các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư bao gồm quyền sở hữu các loại cổ phiếu, chứng khoán, các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết, công ty khác, trái phiếu và các khoản cho vay. Nguyên giá của các khoản đầu tư này được xác định theo giá trị đầu tư thực tế. Việc phân loại các khoản đầu tư này thành ngắn hạn (đến 1 năm) hay dài hạn (trên 1 năm) phụ thuộc vào thời gian thu hồi dự kiến của Công ty hoặc theo quy định của pháp luật cũng như các thỏa thuận ràng buộc giữa Công ty và bên nhận đầu tư.

b) Hạch toán các khoản đầu tư sau khi ghi nhận ban đầu

Các khoản cổ tức nhận được từ các khoản đầu tư vào cổ phiếu, chứng khoán, công ty con, công ty liên kết, công ty khác và lãi nhận được từ trái phiếu, các khoản cho vay sau ngày thực hiện các khoản đầu tư được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ, đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua chứng khoán được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đó. Tuy nhiên, từ năm 2010 các khoản cổ tức nhận được (sau ngày mua) bằng cổ phiếu chỉ được ghi nhận tăng số lượng cổ phiếu mà không hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

c) Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư được trích lập nhằm phản ánh chênh lệch giảm giữa giá trị đầu tư theo sổ sách với giá trị thị trường tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Việc trích lập dự phòng được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành cho từng khoản đầu tư thuộc sở hữu của Công ty.

Giá thị trường của chứng khoán niêm yết được xác định trên cơ sở giá khớp lệnh tại ngày lập dự phòng (giá bình quân đối với cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, giá đóng cửa đối với các cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh).

Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá thị trường được xác định là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày lập dự phòng.

Đối với chứng khoán của các công ty chưa niêm yết đang được giao dịch tự do trên thị trường chứng khoán phi tập trung (OTC) thì giá thị trường được xác định là giá trung bình trên cơ sở tham khảo báo giá được cung cấp bởi tối thiểu ba (3) công ty chứng khoán.

Đối với các chứng khoán đầu tư dài hạn nếu tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) thì mức trích lập dự phòng là chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ vốn đầu tư của Công ty so với tổng vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

d) Chứng khoán mua lại và bán lại theo hợp đồng có kỳ hạn

Những tài sản được bán đồng thời mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng mua lại) không được ghi giảm trên báo cáo tài chính. Khoản tiền nhận được theo các hợp đồng mua lại này được ghi nhận là khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán và phần chênh lệch giữa giá bán và giá cam kết mua lại trong tương lai được ghi nhận là tài sản/chi phí chờ phân bổ và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng mua lại.

Những tài sản được mua đồng thời cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng bán lại) không được ghi tăng trên báo cáo tài chính. Khoản tiền thanh toán theo các hợp đồng bán lại này được ghi nhận là tài sản trên bảng cân đối kế toán và phần chênh lệch giữa giá mua và giá cam kết bán lại được ghi nhận là doanh thu/nợ chờ phân bổ và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng bán lại.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đông Nam Á

Thuyết minh Báo cáo Tài chính
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

2.10. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay gồm:

- (a) Lãi tiền vay ngắn hạn, lãi tiền vay dài hạn, kể cả lãi tiền vay trên các khoản thấu chi;
- (b) Phần phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội phát sinh liên quan đến những khoản vay do phát hành trái phiếu;
- (c) Phần phân bổ các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay;

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ ngoại trừ các khoản được vốn hóa. Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa vào nguyên giá tài sản đó). Chi phí đi vay được vốn hóa khi Công ty chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó và chi phí đi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy.

Tài sản dở dang là tài sản đang trong quá trình đầu tư xây dựng và tài sản đang trong quá trình sản xuất cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán.

2.11. Chi phí chờ phân bổ và chi phí trả trước dài hạn

Chi phí chờ phân bổ được trình bày ở khoản mục chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán. Các khoản mục này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế dự kiến được tạo ra.

Chi phí thuê văn phòng trả trước 40 năm được phân bổ trong suốt thời hạn thuê. Các loại chi phí khác sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian từ 2 đến 3 năm:

- Chi phí chuyển địa điểm, cải tạo nội thất;
- Chi phí thuê văn phòng (phân bổ 40 năm);
- Hệ thống báo cháy;
- Công cụ dụng cụ xuất dùng với giá trị lớn; và
- Các chi phí khác.

2.12. Các khoản phải trả người bán

Các khoản phải trả người bán bao gồm các khoản phải trả cho nhà cung cấp tài sản, vật tư, hàng hóa, dịch vụ... được theo dõi chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Trong trường hợp vật tư, hàng hóa, dịch vụ đã nhận nhưng đến cuối kỳ vẫn chưa có hóa đơn thì kế toán sử dụng giá tạm tính để ghi sổ trị giá các khoản phải trả và hàng nhập chưa có hóa đơn này. Sau đó kế toán thực hiện điều chỉnh theo giá thực tế khi đã có hóa đơn.

Các khoản chiết khấu thanh toán, giảm giá hàng bán của người bán được hạch toán tương ứng với khoản phải trả có liên quan để ghi giảm số nợ phải trả phát sinh ban đầu.

2.13. Trích trợ cấp thôi việc

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi năm báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn một năm với mức trích bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc.

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp với mức đóng bởi mỗi bên là 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên và 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Công ty không phải trích lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đông Nam Á

Thuyết minh Báo cáo Tài chính
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

việc của nhân viên sau ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện có tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2008 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008.

2.14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính bao gồm thuế thu nhập phải trả trong năm và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành thể hiện số thuế phải nộp trong năm tài chính theo thuế suất được áp dụng vào ngày kết thúc năm tài chính và bất kỳ bút toán điều chỉnh đối với số thuế phải nộp của năm trước.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định theo phương pháp ghi nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán dựa trên số chênh lệch tạm thời giữa cơ sở tính thuế của tài sản và công nợ với giá trị sổ sách của các khoản mục này. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự kiến sẽ áp dụng trong năm tài chính mà tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thu hồi hay thuế thu nhập hoãn lại phải trả dựa trên mức thuế suất có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ và số lỗ thuế chưa sử dụng trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ và số lỗ tính thuế chưa sử dụng đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xem xét vào ngày kết thúc năm tài chính và được giảm đến mức chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép sử dụng một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại.

2.15. Nguồn vốn chủ sở hữu

a) Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu Công ty được ghi nhận theo giá trị thực góp.

b) Cổ phiếu quỹ

Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận như là một thay đổi trong vốn chủ sở hữu. Các cổ phần mua lại được phân loại là các cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu.

c) Ghi nhận cổ tức

Các cổ tức trả cho các cổ phiếu ưu đãi phải hoàn trả được ghi nhận là một khoản nợ phải trả trên cơ sở dồn tích. Các cổ tức khác được ghi nhận là nợ phải trả trong kỳ cổ tức được công bố.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông/Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam. Cổ tức được công bố từ phần lợi nhuận chưa phân phối dựa trên tỷ lệ sở hữu hợp pháp của từng cổ đông.

2.16. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận có thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đông Nam Á

Thuyết minh Báo cáo Tài chính
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

a) *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được các chi phí đã được ghi nhận.

b) *Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán*

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân gia quyền của chứng khoán.

c) *Tiền lãi, bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia*

Tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ các giao dịch tương ứng và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Tiền bản quyền được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.17. *Thuê hoạt động*

Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê.

2.18. *Các bên liên quan*

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

2.19. *Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán*

Các sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán mà cung cấp thêm thông tin về tình hình tài chính của Công ty tại ngày khóa sổ kế toán ("các sự kiện điều chỉnh") được phản ánh trên báo cáo tài chính. Các sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán không phải là các sự kiện điều chỉnh được trình bày trên thuyết minh báo cáo tài chính nếu trọng yếu.

2.20. *Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán*

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán, như được định nghĩa trong Hệ thống Kế toán Việt Nam, được trình bày ở các thuyết minh thích hợp của các báo cáo tài chính này.

2.21. *Số dư bằng không*

Các khoản mục hay số dư được quy định trong các mẫu báo cáo của Hệ thống Kế toán Việt Nam không thể hiện trên các báo cáo tài chính thì được hiểu là có số dư bằng không.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đông Nam Á

Thuyết minh Báo cáo Tài chính
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

3. Tiền

Nội dung	31.12.2011	31.12.2010
Tiền gửi ngân hàng	184.355.604.940	645.709.946.764
- Tiền gửi của Công ty	161.234.432.451	59.409.331.802
- Tiền gửi của về giao dịch chứng khoán (*)	23.121.172.489	586.300.614.962
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	1.002.259.029	3.495.340.092
- Tiền gửi của Công ty	37.140.104	2.333.676.845
- Tiền gửi của nhà đầu tư giao dịch chứng khoán	965.118.925	1.161.663.247
	185.357.863.969	649.205.286.856

(*) Trong số dư tiền gửi về giao dịch chứng khoán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 có 16.167.514.385 đồng là khoản tiền gửi của nhà đầu tư vào tài khoản của Công ty tại các ngân hàng phục vụ cho việc mua bán chứng khoán của nhà đầu tư.

4. Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm

Nội dung	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm	Giá trị khối lượng thực hiện trong năm
Của công ty chứng khoán	4.675.946	65.845.777.800
- Cổ phiếu	4.675.946	65.845.777.800
- Trái phiếu	-	-
Của công ty nhà đầu tư	386.211.084	6.848.586.989.400
- Cổ phiếu	377.884.334	6.109.601.560.400
- Trái phiếu	7.000.000	731.045.700.000
- Chứng khoán khác	1.326.750	7.939.729.000
	390.887.030	6.914.432.767.200

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đông Nam Á

Thuyết minh Báo cáo Tài chính
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

5. Tình hình đầu tư tài chính

Tình hình đầu tư tài chính trong năm như sau:

Nội dung	Số lượng		Giá trị theo sổ sách kế toán		So với giá trị trường				Tổng giá trị theo giá trị trường	
	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Tăng		Giảm		Đầu năm	Cuối năm
					Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm		
I. Chứng khoán thương mại	4.241.765	2.448.606	155.393.708.748	69.209.076.033	-	184.650.607	(55.644.923.144)	(39.128.544.540)	99.748.785.604	30.265.182.100
<i>Cổ phiếu niêm yết</i>	<i>3.477.765</i>	<i>1.484.606</i>	<i>135.626.556.748</i>	<i>49.441.924.033</i>	-	<i>184.650.607</i>	<i>(55.644.923.144)</i>	<i>(39.128.544.540)</i>	<i>79.981.633.604</i>	<i>10.498.030.100</i>
BTP	134.706	124.646	8.419.125.000	7.790.375.000	-	-	(7.125.947.400)	(7.428.901.600)	1.293.177.600	361.473.400
HAG	80.000	90.007	6.910.000.000	5.182.651.840	-	-	(430.000.000)	(3.427.515.340)	6.480.000.000	1.755.136.500
MBB	-	212.006	-	3.959.920.166	-	-	-	(1.670.255.366)	-	2.289.664.800
SCJ	200.441	164.741	9.481.220.700	7.792.546.333	-	-	(5.552.577.100)	(6.556.988.833)	3928.643.600	1.235.557.500
TKC	288.759	271.205	10.101.267.270	9.483.398.227	-	-	(5.365.619.670)	(8.371.457.727)	4.735.647.600	1.111.940.500
VCG	531.945	164.205	26.275.519.000	8.102.731.197	-	-	(13.136.477.500)	(6.641.306.697)	13.139.041.500	1.461.424.500
ACB	513.846	311	21.185.327.962	7.007.229	-	-	(8.030.870.362)	(289.629)	13.154.457.600	6.717.600
REE	462.005	8	10.186.117.153	121.180	-	-	(2.008.628.653)	(30.780)	8.177.488.500	90.400
STB	395.880	22	9.493.102.115	262.230	-	69.970	(3.079.846.115)	-	6.413.256.000	332.200
Chứng khoán khác	870.183	457.455	33.574.877.548	7.122.910.631	-	184.580.637	(10.914.956.344)	(5.031.798.568)	22.659.921.204	2.275.692.700
<i>Cổ phiếu chưa niêm yết</i>	<i>764.000</i>	<i>964.000</i>	<i>19.767.152.000</i>	<i>19.767.152.000</i>	-	-	-	-	<i>19.767.152.000</i>	<i>19.767.152.000</i>
Công ty CP Dược vật tư Y tế	200.000	400.000	8.900.000.000	8.900.000.000	-	-	-	-	8.900.000.000	8.900.000.000
Công ty CP Điện tử Tin học	564.000	564.000	10.867.152.000	10.867.152.000	-	-	-	-	10.867.152.000	10.867.152.000

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đông Nam Á

Thuyết minh Báo cáo Tài chính
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Tình hình đầu tư tài chính trong năm như sau: (tiếp theo trang 19)

Nội dung	Số lượng		Giá trị theo sổ sách kế toán		So với giá trị trường					
	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Tăng		Giảm		Tổng giá trị theo giá trị trường	
					Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm
II. Chứng khoán đầu tư	4.279.517	2.319.448	137.930.878.446	89.576.498.638	-	-	-	-	137.930.878.446	89.576.498.638
1. CK sẵn sàng để bán	4.279.517	2.319.448	137.930.878.446	89.576.498.638	-	-	-	-	137.930.878.446	89.576.498.638
Cổ phiếu niêm yết	1.816.436	-	33.928.009.808	-	-	-	-	-	33.928.009.808	-
MBB	1.816.436	-	33.928.009.808	-	-	-	-	-	33.928.009.808	-
Cổ phiếu chưa niêm yết	2.460.980	2.319.447	101.901.868.638	89.575.498.638	-	-	-	-	101.901.868.638	89.575.498.638
Công ty CP Du lịch Dịch vụ Đường sắt Hà Nội	322.670	181.137	25.173.100.000	12.846.730.000	-	-	-	-	25.173.100.000	12.846.730.000
Ngân hàng TMCP Nam Á	12.020	12.020	114.760.000	114.760.000	-	-	-	-	114.760.000	114.760.000
Ngân hàng TMCP Quốc Tế	474.657	474.657	13.829.059.432	13.829.059.432	-	-	-	-	13.829.059.432	13.829.059.432
Công ty CP Xi Măng La Hiên	100.000	100.000	1.100.000.000	1.100.000.000	-	-	-	-	1.100.000.000	1.100.000.000
Cổ phiếu chưa niêm yết khác	1.551.633	1.551.633	61.684.949.206	61.684.949.206	-	-	-	-	61.684.949.206	61.684.949.206
Trái phiếu	2.101	1	2.101.000.000	1.000.000	-	-	-	-	2.101.000.000	1.000.000
Công ty CP Viễn Liên	1	1	1.000.000	1.000.000	-	-	-	-	1.000.000	1.000.000
REE	2.100	-	2.100.000.000	-	-	-	-	-	2.100.000.000	-
	8.521.282	4.768.054	293.324.587.194	158.785.574.671	-	184.650.607	(55.644.923.144)	(39.128.544.540)	237.679.664.050	119.841.680.738

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đông Nam Á

Thuyết minh Báo cáo Tài chính
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

6. Các khoản phải thu ngắn hạn

Nội dung	Số đầu năm			Số phát sinh		Số cuối năm			Số dự phòng đã lập
	Tổng số	Số quá hạn	Số khó đòi	Tăng	Giảm	Tổng số	Số quá hạn	Số khó đòi	
<i>Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán</i>	<i>1.382.382.624.945</i>	-	-	<i>5.212.973.208.295</i>	<i>(5.752.573.412.003)</i>	<i>842.782.421.237</i>	-	<i>6.903.815.842</i>	<i>6.903.815.842</i>
- Phải thu khách hàng giao dịch chứng khoán	1.382.382.624.945	-	-	1.883.396.869.403	(3.177.516.028.670)	88.263.465.678	-	6.903.815.842	6.903.815.842
- Phải thu tổ chức phát hành/bảo lãnh phát hành	-	-	-	88.800.000	(88.800.000)	-	-	-	-
- Phải thu thành viên ủy thác đầu tư (*)	-	-	-	3.226.000.000.000	(2.525.000.000.000)	701.000.000.000	-	-	-
- Phải thu khác	-	-	-	103.487.538.892	(49.968.583.333)	53.518.955.559	-	-	-
<i>Các khoản phải thu khác</i>	<i>8.696.858.810</i>	-	-	<i>88.329.566.326</i>	<i>(91.270.214.550)</i>	<i>5.756.210.586</i>	-	<i>1.893.646.633</i>	<i>1.893.646.633</i>
	1.391.079.483.755	-	-	5.301.302.774.621	(5.843.843.626.553)	848.538.631.823	-	8.797.462.475	8.797.462.475

(*) Nghiệp vụ ủy thác đầu tư trong năm là Công ty ủy thác cho các công ty khác thực hiện đầu tư trên cơ sở vốn Công ty ủy thác. Công ty sẽ được hưởng một tỷ lệ lãi suất cố định trên tổng số vốn ủy thác mà không phụ thuộc vào kết quả đầu tư của bên nhận ủy thác.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đông Nam Á

Thuyết minh Báo cáo Tài chính
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

6.1 Các khoản phải thu khác

Nội dung	31.12.2011	31.12.2010
Phòng môi giới niêm yết	5.125.959.266	7.045.679.197
Phải thu khác	630.251.320	1.651.179.613
	5.756.210.586	8.696.858.810

6.2 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Nội dung	2011	2010
Số dư đầu năm	-	-
Tăng dự phòng trong năm	8.797.462.475	-
Khoản dự phòng sử dụng trong năm	-	-
Hoàn nhập dự phòng trong năm	-	-
Số dư cuối năm	8.797.462.475	-

7. Hàng tồn kho

Nội dung	31.12.2011	31.12.2010
Công cụ, dụng cụ	496.677.304	117.237.695
	496.677.304	117.237.695

8. Chi phí trả trước ngắn hạn

Nội dung	31.12.2011	31.12.2010
Chi phí thuê văn phòng	1.044.360.631	722.770.431
Chi phí may đồng phục	128.832.000	-
Chi phí trả trước khác	16.383.331	569.040.436
	1.189.575.962	1.291.810.867

9. Tài sản ngắn hạn khác

Nội dung	31.12.2011	31.12.2010
Tạm ứng	141.339.000	387.740.533
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	6.000.000	42.398.296.988
	147.339.000	42.786.037.521

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đông Nam Á

Thuyết minh Báo cáo Tài chính

cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

10. Tài sản cố định hữu hình

Nội dung	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	637.250.000	6.347.859.090	391.262.200	7.376.371.290
Tăng trong năm	-	1.097.529.602	-	1.097.529.602
<i>Trong đó:</i>				
<i>Mua mới</i>	-	1.031.764.602	-	1.031.764.602
<i>Tặng khác</i>	-	65.765.000	-	65.765.000
Giảm trong năm	-	(213.459.760)	(199.938.500)	(413.398.260)
<i>Trong đó:</i>				
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>	-	(213.459.760)	(134.173.500)	(347.633.260)
<i>Giảm khác</i>	-	-	(65.765.000)	(65.765.000)
Số dư cuối năm	637.250.000	7.231.928.932	191.323.700	8.060.502.632
Giá trị hao mòn				
Số dư đầu năm	254.900.059	2.735.629.050	212.636.589	3.203.165.698
Tăng trong năm	63.725.004	908.444.738	31.397.048	1.003.566.790
Giảm trong năm	-	(122.795.587)	(119.030.517)	(241.826.104)
<i>Trong đó:</i>				
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>	-	(122.795.587)	(87.838.353)	(210.633.940)
<i>Giảm khác</i>	-	-	(31.192.164)	(31.192.164)
Số dư cuối năm	318.625.063	3.521.278.201	125.003.120	3.964.906.384
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	382.349.941	3.612.230.040	178.625.611	4.173.205.592
Số dư cuối năm	318.624.937	3.710.650.731	66.320.580	4.095.596.248

11. Tài sản cố định vô hình

Nội dung	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	1.522.110.600	1.522.110.600
Tăng trong năm	9.591.289.731	9.591.289.731
Giảm trong năm	(1.486.771.584)	(1.486.771.584)
- <i>Thanh lý, nhượng bán</i>	(1.423.465.600)	(1.423.465.600)
- <i>Giảm khác</i>	(63.305.984)	(63.305.984)
Số dư cuối năm	9.626.628.747	9.626.628.747
Giá trị hao mòn		
Số dư đầu năm	466.724.520	466.724.520
Khấu hao trong năm	751.545.377	751.545.377
Giảm trong năm	(534.106.297)	(534.106.297)
- <i>Thanh lý, nhượng bán</i>	(533.051.198)	(533.051.198)
- <i>Giảm khác</i>	(1.055.099)	(1.055.099)
Số dư cuối năm	684.163.600	684.163.600
Giá trị còn lại		
Số dư đầu năm	1.055.386.080	1.055.386.080
Số dư cuối năm	8.942.465.147	8.942.465.147

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đông Nam Á

Thuyết minh Báo cáo Tài chính
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

12. Chi phí trả trước dài hạn

Nội dung	31.12.2011	31.12.2010
Chi phí thuê văn phòng	29.213.159.251	-
Chi phí chuyển văn phòng	-	318.351.889
Chi phí đồng phục	-	58.572.499
Công cụ, dụng cụ	490.648.554	176.174.625
Chi phí cải tạo nội thất	1.954.353.949	50.421.274
Chi phí khác	238.875.964	-
	31.897.037.718	603.520.287

13. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán

Nội dung	2011	2010
Số dư đầu năm	2.034.007.777	854.996.881
Tiền nộp bổ sung	2.132.301.012	1.087.394.680
Tiền lãi phân bổ trong năm	101.365.895	91.616.216
Số dư cuối năm	4.267.674.684	2.034.007.777

Theo Quyết định số 102/QĐ-VSD ngày 14 tháng 7 năm 2010 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu đồng và hàng năm phải đóng thêm 0,01% trên doanh số giao dịch môi giới chứng khoán niêm yết và đăng ký giao dịch tại các Sở Giao dịch Chứng khoán của năm liền trước nhưng không quá 2,5 tỷ đồng/năm.

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Nội dung	31.12.2011	31.12.2010
Thuế GTGT hàng bán nội địa	52.363.753	27.427.273
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.561.118.411	7.611.118.411
Thuế thu nhập cá nhân	524.359.162	730.038.793
	8.137.841.326	8.368.584.477

14.1 Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất thuế giá trị gia tăng theo quy định của pháp luật hiện hành.

14.2 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với mức thuế suất là 25% trên lợi nhuận chịu thuế.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đông Nam Á

Thuyết minh Báo cáo Tài chính
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

a) Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Nội dung	2011	2010
Lợi nhuận/(lỗ) thuần trước thuế	(24.314.803.857)	12.754.076.385
Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận/(lỗ)		
Các khoản điều chỉnh tăng	1.526.916	795.728.932
Các khoản điều chỉnh giảm (cổ tức được chia)	(4.046.640.091)	(7.048.557.474)
Lợi nhuận/(lỗ) điều chỉnh trước thuế	(28.359.917.032)	6.501.247.843
Lỗ năm trước chuyển sang	-	(6.501.247.843)
Thu nhập chịu thuế ước tính năm hiện hành	(28.359.917.032)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả ước tính	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả đầu năm	7.611.118.411	8.111.118.411
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu/(thừa) năm trước	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã trả trong năm	(50.000.000)	(500.000.000)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả cuối năm	7.561.118.411	7.611.118.411

14.3 Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định của pháp luật hiện hành.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

15. Chi phí phải trả

Nội dung	31.12.2011	31.12.2010
Chi phí lãi vay	46.800.000.000	12.964.364.536
Chi phí thu xếp vốn	34.493.750.000	-
Các khoản khác	12.257.972	622.031.183
	81.306.007.972	13.586.395.719

16. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

Nội dung	31.12.2011	31.12.2010
Phải trả Seabank theo hợp đồng môi giới đầu tư trái phiếu	-	1.055.000.000.000
Phải trả Trung tâm Lưu ký chứng khoán	7.048.922.000	-
Phải trả khác	491.895	-
	7.049.413.895	1.055.000.000.000

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đông Nam Á

Thuyết minh Báo cáo Tài chính
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

17. Các khoản phải trả, phải nộp khác

Nội dung	31.12.2011	31.12.2010
Bảo hiểm xã hội, kinh phí công đoàn	178.843.526	118.989.533
Phải trả hộ cổ tức, lãi trái phiếu cho nhà đầu tư	1.316.326.554	410.868.900
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	16.167.514.385	281.664.268.693
Các khoản phải trả khác	1.203.360.057	2.702.962.660
	18.866.044.522	284.897.089.786

18. Vay và nợ dài hạn

Nội dung	31.12.2011	31.12.2010
Trái phiếu phát hành	800.000.000.000	800.000.000.000
	800.000.000.000	800.000.000.000

Trái phiếu Công ty phát hành 800 trái phiếu với mệnh giá là 1.000.000.000/trái phiếu. Thời hạn trái phiếu là 5 năm từ ngày 6/9/2011 đến 6/9/2016. Lãi suất trái phiếu là 18%/năm và lãi được trả định kỳ hàng năm.

19. Vốn chủ sở hữu

19.1 Tình hình biến động vốn cổ phần trong năm như sau

Nội dung	2011	2010
Vốn cổ phần đầu năm	200.000.000.000	200.000.000.000
Vốn cổ phần tăng trong năm	135.000.000.000	-
Vốn cổ phần giảm trong năm	-	-
Vốn cổ phần cuối năm	335.000.000.000	200.000.000.000

19.2 Cổ phiếu

Nội dung	31.12.2011	31.12.2010
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	33.500.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	33.500.000	20.000.000
Cổ phiếu thường	33.500.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu mua lại	-	-
Cổ phiếu thường	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	33.500.000	20.000.000
Cổ phiếu thường	33.500.000	20.000.000

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đông Nam Á

Thuyết minh Báo cáo Tài chính
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

20. Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán

Nội dung	2011	2010
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	10.146.892.818	23.743.654.504
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán	8.253.824.371	13.525.843.811
Doanh thu hoạt động tư vấn	933.636.362	521.545.455
Doanh thu lưu ký chứng khoán	109.272.727	62.181.818
Doanh thu hoạt động ủy thác đầu giá	120.750.000	67.782.919
Doanh thu khác	283.997.468.851	125.989.156.783
	303.561.845.129	163.910.165.290

21. Chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán

Nội dung	2011	2010
Chi phí hoạt động môi giới chứng khoán	2.218.524.712	6.433.965.648
Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	13.132.502.080	3.596.716.345
Chi phí hoạt động tư vấn	14.552.300	64.434.411
Chi phí hoạt động lưu ký chứng khoán	843.439.348	562.324.604
Chi phí dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	33.473.853.404	23.314.052.387
Chi phí dự phòng các khoản phải trả	406.041.145	951.386.510
Chi phí khác	240.757.040.738	96.014.391.643
Chi phí trực tiếp chung	7.314.749.220	4.921.381.825
- Chi phí nhân viên	3.601.655.688	3.661.813.026
- Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ	84.184.971	39.885.946
- Chi phí khấu hao TSCĐ	230.852.534	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.976.168.663	1.017.483.735
- Chi phí bằng tiền khác	1.421.887.364	202.199.118
	298.160.702.947	135.858.653.373

22. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Nội dung	2011	2010
Chi phí nhân viên quản lý	6.521.625.705	6.907.169.321
Chi phí vật liệu quản lý	414.246.035	188.011.755
Chi phí khấu hao và phân bổ	1.542.367.979	1.067.313.298
Thuế, phí và lệ phí	1.421.240.533	648.205.614
Chi phí dự phòng	8.797.462.475	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.527.407.349	1.153.794.935
Chi phí khác	8.561.888.205	5.428.391.410
	28.786.238.281	15.392.886.333

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đông Nam Á


Thuyết minh Báo cáo Tài chính
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

23. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Nội dung	2011	2010
Lợi nhuận/(Lỗ) phân bổ cho cổ đông phổ thông		
- Lợi nhuận/(Lỗ) thuần trong năm	(24.314.803.857)	12.754.076.385
- Cổ tức chia cho cổ phần ưu đãi	-	-
Lợi nhuận/(Lỗ) thuần chia cho cổ đông phổ thông	(24.314.803.857)	12.754.076.385
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân trong năm		
- Số lượng cổ phiếu đầu năm	20.000.000	20.000.000
- Số lượng cổ phiếu bình quân phát hành trong năm	7.875.000	-
- Số lượng cổ phiếu bình quân mua lại trong năm	-	-
Số lượng cổ phiếu bình quân trong năm	27.875.000	20.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(872)	638

24. Phê chuẩn báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính này được phê chuẩn để phát hành ngày 20 tháng 3 năm 2012.


LÊ THỊ THANH BÌNH
Q. Tổng Giám đốc


NGUYỄN HOÀNG PHƯƠNG
Kế toán trưởng